

Hướng dẫn soạn Skills 1 Unit 7 lớp 7: Traffic SGK tập 2 trang 12 ngắn gọn, chi tiết, bám sát nội dung chương trình học giúp các em tiếp thu bài giảng một cách dễ hiểu và hỗ trợ các em ôn luyện thêm kiến thức. Mời các em và thầy cô tham khảo.

Soạn Tiếng Anh mới 7 unit 7 – Skills 1 SGK trang 12

1. Look at the picture. Can you see anything that is dangerous?

(Nhìn vào tranh. Bạn có thấy điều gì nguy hiểm không?)



Yes, there are so many cars and motors on the street. It's too crowded and there can be accidents at any time. (Có. Có quá nhiều xe ô tô và xe máy trên đường. Quá đông đúc và có thể xảy ra tai nạn bất cứ khi nào)

2. Now match these words to make common expressions.

(Bây giờ nối những từ này để tạo thành cụm từ thông dụng.)

1-g	traffic jam (kẹt xe)
-----	----------------------

2-d	zebra crossing (vạch băng qua đường)
3-b	road users (người đi đường)
4-c	driving license (bằng lái xe)
5-a	speed limit (tốc độ giới hạn)
6-h	railway station (nhà ga xe lửa)
7-f	train ticket (vé tàu)
8-e	means of transport (phương tiện vận chuyển)

Can you see any of these things in the picture 1? (Bạn có thấy điều gì trong số này có ở bức tranh số 1 không?)

Yes: road users, means of transport. (Có: người tham gia giao thông, các phương tiện giao thông)

3. Answer the following question.

(Trả lời câu hỏi sau.)

What we shouldn't do when we are a road user are: talking, laughing, listening and speaking on the phone, passing the red lights, playing on the street, etc (Khi đi đường, chúng ta không nên cười giỡn, nghe điện thoại, vượt đèn đỏ, chạy giỡn trên đường, v.v...)

4. Read the following text and answer the questions below.

(Đọc bài văn sau và trả lời câu hỏi phía dưới.)

1. We should cross the Street at the zebra crossing.
2. He/She must always fasten the seatbelt.
3. No, he/she shouldn't. Because it's very dangerous and he/she can cause accidents.
4. We must give a signal.
5. So that they can be seen easily in the dark and it reduces accidents.

Hướng dẫn dịch

ROAD SAFETY (AN TOÀN ĐƯỜNG BỘ)

Có vài luật về an toàn giao thông đường bộ. Việc tuân theo các luật này khi bạn dùng sử dụng đường bộ là điều rất quan trọng.

Người đi bộ

1. Luôn quan sát cẩn thận khi bạn đi chuyển.
2. Đi trên vỉa hè hoặc đường dành cho người đi bộ.
3. Băng qua đường ở vạch kẻ cho người đi bộ qua đường.
4. Đợi đèn giao thông chuyển sang màu xanh trước khi bạn băng qua đường.
5. Mặc áo màu trắng hoặc màu sáng trong đêm.

Lái xe ô tô

1. Luôn thắt đai an toàn khi bạn lái xe.
2. Không lái xe nếu bạn cảm thấy mệt hoặc sau khi uống rượu.
3. Không đậu xe ở trước vạch dành cho người đi bộ.
4. Nghiêm túc tuân theo các tín hiệu giao thông.

Người đi xe đạp và xe máy

1. Luôn giữ hai tay trên tay lái.
2. Luôn đội mũ bảo hiểm khi bạn lái xe máy.
3. Đưa ra tín hiệu khi bạn rẽ trái hay rẽ phải.
4. Sử dụng đèn trước và đèn sau vào ban đêm.
5. Không chở hành khách phía trước mặt bạn.

5. Class survey. Ask your classmates the question. Then make a list of transport that is used the most and that is used the least

(Khảo sát trong lớp. Hỏi bạn cùng lớp bạn câu hỏi sau. Sau đó lên danh sách xem phương tiện nào được sử dụng nhiều nhất. Phương tiện nào được sử dụng ít nhất.)

means	On foot	Bicycle	Motorbike	Car	Taxi	Bus	Train
Name							
Vĩnh Thu	✓	✓				✓	
Lan	✓		✓			✓	
Hoa		✓	✓		✓		
Phong			✓	✓	✓		
Bình	✓						
Le						✓	
Huyen				✓	✓		
Tu	✓		✓				

The mean of transport that is used the most is motorbike.

The mean of transport that is used the least is train

6. Read the following sentences. In groups, discuss who is using the road safely and who is acting dangerously. Give reasons.

(Đọc các câu sau. Làm việc theo nhóm, thảo luận xem ai đang đi đường an toàn, ai đang hành động một cách nguy hiểm. Đưa ra lí do.)

SAFE	DANGEROUS
1. Hoang is riding a bike and he is wearing aHelmet. (Hoàng đang đi xe đạp và cậu ấy có đội mũ bảo hiểm)	2. Mr Linh is very tired. He is driving home very fast. (Ông Linh rất mệt mỏi. Ông ấy đang lái xe về nhà rất nhanh.)
3. Mrs Sumato is driving only 200 metres, but she is wearing seatbelt. (Cô Sumato đang chạy xe, mặc dù chỉ có 200 m nhưng cô ấy vẫn thắt dây an toàn.)	4. Mr Lee is taking his daughter to school on hismotorbike. She is sitting in front of him. (Ông Lee đang đưa con gái đến trường bằng xe máy. Cô bé ngồi phía trước ông ấy.)
	5. There is a pavement but Nam is walking at the side of the road towards a zebra crossing. (Có một vỉa hè nhưng Nam lại đi dưới lòng đường, phía trước có vạch dành cho người sang đường.)

	7. Michelle is cycling to school and she is waving to her friends. (Michelle đang đạp xe đi học và cô ấy đang vẫy tay chào các bạn.)
--	--